

KHÁM PHÁ NÉT RIÊNG MANG ĐẬM DẤU ẤN ĐỊA PHƯƠNG CỦA VÊ BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Xuân Lý¹

TÓM TẮT

Qua việc tìm hiểu thực tế tình hình nghiên cứu về Bình Dương, bài viết giới thiệu khái lược các đặc điểm nổi bật về nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm về dân gian được sưu tầm và sử dụng rộng rãi tại Bình Dương. Bài viết chỉ ra được sự thống nhất chung cũng như những nét riêng của về Bình Dương so với về các vùng miền khác. Nét riêng ấy được thể hiện qua chân dung sống động về đời sống lao động, văn hóa tinh thần và ngôn ngữ mang đậm dấu ấn địa phương. Đồng thời, nghiên cứu văn học dân gian từng vùng, từng địa phương là một trong những hướng nghiên cứu tiềm năng cần được chú trọng trong chương trình Ngữ văn đổi mới hiện nay để bổ sung tri thức và năng lực cảm thụ, phân tích tác phẩm theo đặc trưng thể loại cho học sinh.

Từ khóa: về Bình Dương, nét riêng, văn học dân gian địa phương.

MỞ ĐẦU

Mỗi khi nhắc nhớ đến Bình Dương, trong đầu mọi người sẽ hình dung những mỹ từ thật đẹp như “đất lành chim đậu”, “người đẹp Bình Dương” để ngợi ca vùng đất và con người nơi đây. Trong suốt chiều dài lịch sử hơn 300 năm hình thành và phát triển [6], mảnh đất Bình Dương luôn mở rộng vòng tay chào đón nhiều lớp cư dân người Việt đến khai dựng cuộc sống, cùng với sự giao thoa văn hóa vùng miền, để kết tinh thành bản sắc văn hóa đặc trưng của người Bình Dương. Chính những nét đẹp văn hóa ấy đã góp phần tạo dựng nên kho tàng văn học dân gian (VHDG) phong phú, vừa mang những đặc điểm tương đồng vừa chứa đựng những giá trị riêng biệt.

Cùng với nhiều thể loại VHDG khác, về Bình Dương phản ánh muôn mặt đời sống một cách tường tận: thời gian, địa điểm, sự việc, thậm chí tên người đúng như thực tế những gì mà nó đã diễn ra. Qua quá trình thống kê, hệ thống hóa tài liệu, chúng tôi tổng hợp được 60 bài về dân gian lưu hành ở Bình Dương chủ yếu từ công

trình Dân ca và thơ ca dân gian Bình Dương của Lư Nhất Vũ và Lê Giang chủ biên.

Là một người con vốn được sinh ra và lớn lên ở quê hương Bình Dương, người viết hy vọng với một số suy nghĩ bước đầu trong việc khám phá về Bình Dương, sẽ góp thêm tiếng nói của mình vào công việc nghiên cứu, sưu tầm VHDG ở địa phương.

1. KHÁI LƯỢC VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ BÌNH DƯƠNG

Thuở trước, trong sinh hoạt văn hóa dân gian, về được xem là một loại hình diễn xướng rất phổ biến, được lưu truyền rộng rãi, phản ánh cụ thể và chi tiết đời sống nhân dân. Hoàng Tiến Tựu nhận định: “Về là một thể loại văn học dân gian có chức năng, đặc điểm riêng, không lẫn lộn với bất kỳ một thể loại văn học dân gian nào khác. Đó là một loại tự sự dân gian bằng văn vần, được lưu truyền với hình thức kể hoặc nói, chủ yếu nhằm phản ánh kịp thời và cụ thể những chuyện về người thực, việc thực ở từng địa phương. Về giống như một loại khẩu báo bằng

¹ ThS. Nguyễn Xuân Lý – Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

miệng của nhân dân” [9, tr.232]. Như vậy, về không chỉ mang đặc điểm tiêu biểu là tính thời sự, tính xác thực cụ thể mà còn mang tính địa phương rõ nét. Quần chúng nhân dân với tư cách là những “phát ngôn viên” chứng kiến toàn bộ, tham gia trực tiếp hoặc nghe kể lại đã kịp thời, nhanh nhạy lưu giữ những sự kiện nóng hổi, chân thật nhất của địa phương. Trong bài viết này, về Bình Dương được hiểu là những bài về được sưu tầm và sử dụng rộng rãi tại Bình Dương, khắc họa chân thật dấu ấn địa phương của vùng đất và con người nơi đây.

Trong thời điểm chúng tôi tiến hành thực hiện bài viết này, đã có nhiều công trình sưu tầm, nghiên cứu về về Bình Dương nhưng chưa thật sự đầy đủ đối với một thể loại ở vùng đất có bề dày lịch sử ngang bằng với Sài Gòn, Biên Hòa (hơn 300 năm) [6]. Tôi xin điểm qua một số công trình nghiên cứu, phê bình về về Bình Dương nói riêng và VHDG Nam Bộ nói chung đáng chú ý sau:

Năm 1988, Huỳnh Ngọc Trảng công bố công trình **Về Nam Bộ** [8]. Đóng góp của ông trong công trình này chính là việc chỉ ra được những đặc điểm cơ bản của về Nam Bộ, cũng như phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của một số bài về tiêu biểu. Mặc dù chỉ giới thiệu 02 bài về được sưu tầm ở Bình Dương (*Về lác Huyền*, *Về lô cốt*) nhưng công trình cũng là tư liệu quý báu để người viết tìm hiểu về về Bình Dương nói riêng trên cơ sở về Nam Bộ nói chung.

Nhạc sĩ Lư Nhất Vũ - một người con của quê hương Bình Dương cùng vợ là nhà thơ Lê Giang và nhóm sưu tầm đã dành nhiều công sức và tâm huyết đóng góp cho nền VHDG Bình Dương. Công trình **Dân ca và thơ ca dân gian Bình Dương** (2002) do Hội văn học nghệ thuật Bình Dương phát hành [10] đã giới thiệu bao quát về các thể loại thơ ca, dân ca Bình Dương mà nhóm tác giả đã sưu tập được như: lý, hát đờn em, hò, về, thơ rơi... Công trình nhận

định: “*Tỉnh Bình Dương là một trong những vùng đất chứa một trữ lượng dân ca và thơ ca dân gian vô cùng phong phú và hết sức đa dạng.*” [11, tr.15]. Đặc biệt trong công trình này, bên cạnh các làn điệu (28 điệu lý, 6 bài hát đờn em, 30 điệu hò) còn có bộ sưu tập thơ ca dân gian gồm 55 bài về được sưu tầm tại Bình Dương: “*Qua tư liệu mà chúng tôi sưu tầm được, có nhiều bài về được lưu hành lâu đời ở miền Đông hoặc khắp Nam Bộ như: Về bậu lỗ thời, Về nói ngược, Về nói lái, Về đi cấy, Về ăn Tết, Về bão lụt năm Thìn v.v... Ngoài ra, tìm thấy một số bài về mang rõ nét đặc thù của đất Bình Dương (Thủ Dầu Một thuở nào). Đó là Về chợ Thủ ngày xưa, Về đập đá, Về làm chén, Về đi Lộc Ninh làm mướn v.v...*” [11, tr.75]. Tuy nhiên, điểm hạn chế của công trình là chỉ mới dừng lại ở việc giới thiệu bao quát, chú trọng nghiên cứu về phần âm nhạc mà chưa có sự phân loại chi tiết về nội dung và nghệ thuật. Nhìn chung, hai công trình trên có những đóng góp quan trọng trong việc gìn giữ và bảo tồn một di sản quý của dân tộc – làn điệu dân gian Bình Dương.

Năm 2010, nhóm tác giả Lư Nhất Vũ, Lê Giang, Lê Anh Trung sưu tầm, biên soạn và giới thiệu tác phẩm **Nói thơ, nói về, thơ rơi Nam Bộ**. Có thể thấy đây là công trình mang tính tổng hợp kết quả của một chặng đường nghiên cứu không mệt mỏi của những người đi “đãi cát tìm vàng” với 28 bài nói thơ, 60 bài về, 33 bài thơ rơi. Trong đó, về dân gian sưu tầm ở Bình Dương gồm 25 bài, tuy nhiên hầu hết đều là những tư liệu đã được công bố năm 2002 trong công trình **Dân ca và thơ ca dân gian Bình Dương** vừa trình bày ở trên.

Điểm qua tình hình nghiên cứu, người viết nhận thấy có nhiều công trình, bài viết lớn nhỏ về về Bình Dương chứng tỏ sức hấp dẫn và sự phong phú của vấn đề này. Tuy nhiên, hầu hết các bài viết đều giới thiệu một cách riêng lẻ,

bao quát một vài đặc điểm về VHĐG phương Nam nói chung cũng như về Bình Dương nói riêng mà chưa có công trình riêng biệt nào tổng hợp toàn diện và đầy đủ về Bình Dương về nội dung và nghệ thuật. Trên cơ sở tiếp thu những công trình quý báu trên, tôi mạnh dạn đi vào tìm hiểu và khảo sát về Bình Dương dưới góc nhìn từ đặc điểm nội dung và nghệ thuật qua đề tài: **“Khám phá nét riêng mang đậm dấu ấn địa phương của về Bình Dương”**.

2. ĐẶC ĐIỂM RIÊNG VỀ NỘI DUNG CỦA VỀ BÌNH DƯƠNG

Khi tìm hiểu về Bình Dương, người viết nhận

thấy bên cạnh những sáng tác mang nội dung phổ biến chung trong về người Việt như tố cáo chế độ phong kiến, thực dân và phê phán những thói hư tật xấu, tệ nạn xã hội còn có nhiều bài khắc họa nét riêng của vùng đất và con người Bình Dương. Trong phạm vi giới hạn bài viết, người viết sẽ tập trung làm rõ những đặc điểm riêng về nội dung của về Bình Dương qua hai biểu hiện chính về đời sống lao động và đời sống văn hóa tinh thần. Những nét đẹp lao động, văn hóa biểu hiện qua thế giới của về thật tự nhiên bằng nhiều con đường trực tiếp hay gián tiếp đều khắc họa chân thật những giá trị vật chất và tinh thần của cư dân vùng đất.

Bảng 1. Thống kê số bài có nội dung phản ánh đời sống lao động – sản xuất và các lễ tục địa phương

STT	Đời sống lao động và lễ tục	Tên bài
1	Buôn bán	- Về chợ Thủ ngày xưa. - Về đi chợ - Về bờ hàng ở Chợ Lớn - Về 47 chợ
2	Nghề gỗ	- Về chợ Thủ ngày xưa
3	Làm thuê	- Về đi Lộc Ninh làm mướn - Về mộ phu vào Sài Gòn - Về mộ phu sang Tân Thế Giới
4	Làm ruộng	- Về đi cấy - Về thợ cấy
5	Làm chén	- Về làm chén
6	Khai thác và chế biến đá	- Về đập đá
7	Hớt tóc	- Về hớt tóc
8	Nghề làm khăn đen	- Về Suối Đôn
9	Lễ tục: Tết, đám cưới, tang ma...	- Về ăn Tết - Về đám cưới ăn đồ Tây - Về mâm tuần mãn phục

Bức tranh lao động biểu hiện cụ thể qua hình ảnh những người phu đồn điền cao su, những người thợ thủ công lành nghề với đôi bàn tay khéo léo cùng óc sáng tạo đã góp phần tạo dựng nên thương hiệu thủ công mỹ nghệ vang danh một thời ở vùng đất Thủ - Bình Dương. Từ cuối thế kỷ XIX, đất Thủ đã nổi danh không chỉ bởi nguồn nguyên liệu gỗ rừng dồi dào cộng với nguồn nhân lực tay nghề cao mà còn là nơi sản sinh ra nhiều sản phẩm thủ công độc quyền phát triển mạnh như đóng thuyền, dẻo cột,

đóng bàn ghế vật dụng và đặc biệt là nghề làm xe thổ mộ [13]:

“...Bán đồ sành sứ.

Đông đảo chỗ này

Từ đó đi ngay

Xuống đầu cầu sắt

Trại cửa trước mặt

Thổ mộ có hàng

Rủ nhau soạn bàn

Đi về Bưng Cái

Mênh mông đại hải

Khắp cả châu thành..."

(Về chợ Thủ ngày xưa)

Ta cũng có thể bắt gặp hình ảnh những đoàn xe thổ mộ nối tiếp nhau giữa dòng người vội vã, tấp nập qua bài **Về 47 chợ**:

"...Xe thổ mộ dọc ngang

Là chợ Thủ Dầu Một..."

Vào đầu thế kỷ XX ở Nam Bộ, xe thổ mộ xuất hiện phổ biến được xem là phương tiện đi lại và chuyên chở hàng hóa chuyên dụng của đại đa số dân lao động. Bình Dương với lợi thế sẵn có *"...không chỉ có thợ mộc giỏi mà còn có nhiều loại gỗ quý tốt cứng chắc để làm xe"* [13] nên vùng Thủ Dầu Một và Lái Thiêu được xem là một trong những cái nôi đầu tiên hình thành nên chiếc xe "thùng Thủ" tức xe thổ mộ nổi tiếng. *"...nghề đóng xe ngựa từ xưa không có trường đào tạo mà chỉ là nghề truyền thụ trong gia đình: cha dạy con, con dạy cháu..."* [13]. Ngày nay, nghề xe thổ mộ không còn nữa nhưng những ký ức đẹp về nó vẫn sống mãi trong lòng người dân đất Thủ với tất cả niềm tự hào qua từng câu vè, điệu hát.

Bài ca về đời sống lao động vất vả của cư dân Bình Dương còn được khắc họa cận cảnh hơn với những mô tả hết sức chân thật về cuộc sống tảo tần, bươn chải dọc khắp các vùng từ Phú Long, Cây Me xuống miệt chợ Búng, Thủ Dầu Một sang Tân Khánh, Vĩnh Trường lên Cầu Định, Bồng Bông, An Hòa...[14]:

"Tới đây là chợ Phú Long.

Trước đà buôn bán sau còn nghỉ ngơi.

Đường đi đủ xứ khắp nơi.

Tai nghe cũng đã gần chòi Cây Me.

Đường đi cũng có suối khe.

Muốn lên chợ Búng mà nghe huê tình.

Tới đây vốn thiệt một mình.

Tại Thủ Dầu Một lên đình Chánh An..."

(Về đi chợ)

Cuộc sống của những người phu đồn điền cao su gánh vác trên vai trách nhiệm trụ cột khiến họ chấp nhận khổ cực tìm đến những vùng đất mới những mong có tiền gửi về nuôi gia đình [7]. Hành trình tìm kiếm miếng cơm manh áo từ miền xuôi (Thủ Dầu Một) lên miền ngược (Lộc Ninh) được ghi lại qua bài vè sau:

"Tai nghe người nói lao xao

Lộc Ninh mần khá nên vào thử coi

Anh em bàn luận hẳn hoi

Tháng giêng, mồng tám rạng trời ra đi"

(Về đi Lộc Ninh làm mướn)

Bình Dương còn nổi tiếng với nghề khai thác đá ở vùng núi Châu Thới (Dĩ An) [14]. Cuộc sống lao động nặng nhọc và nguy hiểm của những người thợ làm đá được lưu truyền trong nhân dân địa phương qua bài vè dưới đây:

"Sáng mai vác búa chạy ra hầm

Liệng một cái ầm

Tay cầm cây sắt

Anh em ơi!

Chạy cho xa lơ xa lắc

Nhòm ngó lại mà thấy ngòi xi

Đâm đầu mà chạy bất kỳ góc gai

Con gái chí những con trai

Rủ nhau đập đá sớm mai tới chiều"

(Về đập đá)

Ở Bình Dương cũng lưu truyền những bài vè nói về nghề gốm - một trong những nghề cha truyền con nối, qua bàn tay khéo léo cùng óc sáng tạo của những người thợ Thủ lành nghề đã nhào nặn nên những sản phẩm đạt đến trình độ kỹ thuật cao nổi tiếng khắp miền Đông Nam Bộ. Mỗi chiếc chén được ví như một tác phẩm nghệ thuật công phu qua nhiều khâu từ việc chọn đất, nhào nặn tượng hình, nung trong lửa

đến việc tạo nước men tráng mịn kết hợp cùng hoa văn trang trí bắt mắt đã được ghi lại trong bài về sau:

*“Con gái chí những trai tơ
Đồng lòng mót đất đắp lò xứ ta
Đòn ông chí những đàn bà
Người thời đập đất, người thời giã vôi
Trộn vào với giọt mồ hôi
Đồng tiền vô cửa mấy người siêng năng
Mấy chị đập đất lảng xãng
Mấy chị vẽ chén thì ăn miếng trầu”*

(Về làm chén)

Không chỉ phản ánh đời sống lao động của cư dân vùng đất, về dân gian Bình Dương còn ghi nhận nhiều lễ tục lâu đời gắn chặt với sinh hoạt cộng đồng như tục ăn Tết, đám cưới, hội hè, tang ma...góp phần lưu giữ truyền thống dân tộc. Cũng như nhiều địa phương khác trên cả nước, tục ăn Tết được người Bình Dương chuẩn bị từ rất sớm với muôn vàn những công việc như: dầy mộ ông bà, trang hoàng nhà cửa, mua sắm đồ đạc, bày biện lễ vật... Ai nấy cũng đều thể hiện trách nhiệm với mong muốn bày tỏ lòng biết ơn tổ tiên đã luôn dõi theo phù hộ cho con cháu trong một năm qua:

*“...Hăm lăm để đáo
Dầy mộ ông bà
Cổ tích bày ra
Tiền cho con cháu
Từ ngày hăm sáu
Dĩ chí ba mươi
Thịt cá tốt tươi
Ông bà thết trước
Canh ba giờ Tý
Thức dậy mần gà
Lễ vật bày ra
Trà, nhang, tiền, nước...”*

(Về ăn Tết)

Ngày nay, những nếp sinh hoạt ấy vẫn còn

được lưu giữ như một lời nhắc nhở thế hệ con cháu phải luôn trân quý những phong tục của tổ tiên. Bên cạnh phần cúng lễ, Tết cũng là dịp để mọi người tụ họp vui chơi sau một năm lao động vất vả, mệt nhọc. Những trò chơi quen thuộc như đá gà, đánh bài, xịch đu tiên, bông vụ... trở thành một phần không thể thiếu trong văn hóa người Việt:

*“...Người lớn đá gà
Con nít, đàn bà
Chỉ mong bài tới
Những người thơi thới
Lại xịch đu tiên
Con nít có tiền
Đâm ra cù pháo
Cầm quần bán áo
Thì quánh bài cào
Đi té hàng rào
Thì người say rượu...”*

(Về ăn Tết)

Đám cưới cũng là một dịp vui để bà con họ hàng gặp gỡ, chúc phúc cho đôi trai tài gái sắc. Nhà cửa từ trong ra ngoài được chăm chút, trang hoàng gọn ghẽ càng làm tăng thêm tính trang trọng cho ngày vui này:

*“...Trong nhà dọn dẹp
Thiệt cũng là xinh
Đồ đạc mới tinh
Măng - sông tỏ sáng
Trong cuộc sửa soạn
Hực hỡ chói lòa
Bàn thờ ông bà
Chưng coi cũng lịch
Hương đèn mù mịt
Có phượng có rồng
Có lân đứng chông*

Ở trên đĩa chuối...”

(Về đám cưới ăn đồ Tây)

Bên cạnh những nghi lễ truyền thống trong phong tục cưới hỏi của người Việt thì việc du nhập những món ăn theo phong cách Tây như: la ve rượu chát, xi rô, bít tết giò chả, thịt bò lá lốt, ragu... cũng phần nào cho thấy sự biến đổi, hội nhập và giao thoa văn hóa giữa truyền thống và hiện đại, giữa ta và Tây.

Như vậy, nội dung về Bình Dương không chỉ phản ánh đời sống lao động – sản xuất qua các ngành nghề thủ công truyền thống mà còn khắc họa đậm nét những lễ tục ở nông thôn Nam Bộ nói chung và vùng đất Bình Dương nói riêng. Những hình thái sinh hoạt ấy luôn gắn liền với những chi tiết lịch sử cụ thể không những chứa đựng giá trị văn học mà còn khẳng định và lưu giữ giá trị sử học và dân tộc học.

3. ĐẶC ĐIỂM RIÊNG VỀ NGHỆ THUẬT CỦA VỀ BÌNH DƯƠNG

Dấu ấn ngôn ngữ chính là một trong những đặc điểm quan trọng góp phần khắc họa nét riêng biệt cho mỗi thể loại. Nếu như ngôn ngữ ca dao trau chuốt, bóng bẩy, mượt mà, đầy ý vị trong từng câu chữ thì ngôn ngữ về lại là ngôn ngữ tả thực, ngôn ngữ của cuộc sống đời thường đậm chất dân dã và tự nhiên nhất. Về Bình Dương mang đặc tính ngôn ngữ Nam Bộ mộc mạc, giản dị bởi đó là sản phẩm gần gũi với lời ăn tiếng nói hằng ngày của nhân dân.

3.1. Ngôn ngữ về là ngôn ngữ kể chuyện

Về thuộc dòng tự sự dân gian nên ngôn ngữ về là ngôn ngữ kể chuyện. Những câu chuyện đời thường bước vào thế giới của về hết sức dân dã, hồn nhiên và dung dị: “*Sự thật trong làng xã được ghi lại tươi rói, giòn ngon. Mặc dù còn lờm chờm như đất mới cày, đường mới đắp*” [3]. Bài về dưới đây sử dụng ngôn ngữ kể chuyện để tường thuật lại chi tiết sự kiện trận bão lịch sử diễn ra bất thành linh vào ngày mười sáu tháng hai năm Thìn khiến kẻ trôi

người nổi gây thiệt hại nghiêm trọng về người và của:

“Năm Thìn bước tới, Quý Mão lại lui

Thiên hạ đều vui, trong lòng hớn hở

Người làm tổ mỡ, cuốc đất trồng khoai

Thời vận thiệt may, lúa còn năm cắc”

“...Nào ngờ cơ sự, vừa hết năm nay

Mười sáu tháng hai, ông trời làm bão

Thiên hạ nhốn nháo, cây gãy sập nhà

Nước ngập ngọn tre, ngoài đồng như biển

Người ta như kiến, làm ổ đọt cây

Trời đất làm vầy, thế gian chết hết...”

(Về bão lụt năm Thìn)

Trong về hầu như không có ngôn ngữ đối thoại mà sự việc và tính cách nhân vật được thể hiện chủ yếu thông qua ngôn ngữ kể chuyện của chính tác giả dân gian nên thường là ngôi thứ nhất:

“Năm xưa tôi ở Tây phang

Hồi đầu tưởng lại mấy hàng gần đây

Có chàng văn sĩ đất này

Luận bài nam nữ rất hay, rất tời

Nay tôi thuật lại vài lời

Hiển cho huynh đệ mấy hồi ngồi không...”

(Về hàng xóm)

Diễn biến câu chuyện anh thầy ký sau giờ tan sở háo hức đi hớt tóc được thuật lại một cách hóm hỉnh, chân thật từ việc anh ngồi hưởng thụ “*vĩnh râu dựa ngựa*” phó mặc cho anh thợ toàn quyền “*cạo chữa lung tung*” để rồi nhận lấy kết quả là mái tóc đã bị cắt hồng đành phải cạo trực qua bài về dưới đây:

“Phàm nguyệt quới tóc dài chấm trán

Vừa lãnh lương hàng tháng năm đồng

Mãn giờ công việc đã xong

Vội vàng xin phép tìm ông húi đầu

Vào ngồi ghế vểnh râu dựa ngửa
Mặc cho người cạo chữa lung tung
Cạo rồi xem kỹ vào gương

Chiếc đầu chẳng khác một vườn gốc tranh...

(Về hớt tóc)

Qua lối kể chuyện hết sức thân mật, gần gũi, không hề cầu kỳ hoa mỹ trong câu từ, về Bình Dương đã thật sự đến gần hơn với nhân dân và trở thành một loại “khẩu báo” đặc dụng mang đậm dấu ấn địa phương.

3.2. Hệ từ mọc mọc, gần với lời ăn tiếng nói hằng ngày

Về Bình Dương không chỉ hấp dẫn bởi ngôn ngữ kể chuyện mọc mọc, tự nhiên mà còn bởi lớp từ phong phú mang đặc trưng ngôn ngữ Nam Bộ. Vũ Thị Hào nhận định: “*Trong các thể loại văn học dân gian, có lẽ không một thể loại nào mà tiếng địa phương lại được đưa vào tác phẩm một cách ồ ạt như thế*” [4, tr.39]. Tác giả dân gian vận dụng triệt để vốn từ ngữ địa phương để khơi gợi, bộc lộ cảm xúc. Lời ăn tiếng nói hằng ngày được sử dụng khá phổ biến từ cách dùng từ, phương ngữ đến cách phát âm, vay mượn thành ngữ, tục ngữ, ca dao và thậm chí tiếng nước ngoài...

Phương ngữ được sử dụng rất thành công trong việc tạo nên sắc thái riêng biệt cho vùng đất này chẳng hạn như: *hôm rày* (từ hôm đó tới hôm nay), *hổng* (không), *mần* (làm), *biểu* (bảo), *chưn* (chân), *nhun* (nhân), *bển* (bên), *đặng* (được), *hun* (hôn), *tợ* (tựa), *nhứt* (nhất)... Cách nói thân thuộc, chân quê, hồn hậu của người lao động Nam Bộ đi vào trong về thật tự nhiên, mềm mại:

“...Chưng dọn **hôm rày**

Hổng bằng một ngày

Của ông Chánh hội

Đồ ăn tra trội

Ăn thét thấy cha

Nào giỡn nào la

Nhậu cho tới sáng...”

(Về đám cưới ăn đồ Tây)

Trong về Bình Dương cũng xuất hiện những đại từ xưng hô trong giao tiếp được sử dụng thay anh với em như “qua”, “bậu” thông dụng trong dân chúng miền Nam và “quá” với “lú” là cách gọi của những khách trú (người Hoa), tạo nên giọng điệu đặc trưng khi nói: “Em về đâu cho **qua** về cùng” (**Về “chính chuyên”**); “**Bậu** lỡ thời như ruộng bỏ hoang” (**Về bậu lỡ thời**); “**Quá** với **lú** phu thê hòa hòa” (**Về khách trú**)

Bên cạnh đó, ngôn ngữ thô tục trong lời ăn tiếng nói thường ngày của nhân dân lao động như nói tục, chửi thề... cũng được sử dụng trong về Bình Dương. Nếu như cái tục trong truyện cười nhằm mục đích đả kích, châm biếm, trong ca dao hướng đến mục đích giải trí thì trong về cái tục lại góp phần làm tăng hiệu quả diễn đạt tâm trạng, cảm xúc đặc biệt với những vấn đề thời sự nóng bỏng đáng lên án, phê phán, tất cả làm nên sự phong phú và nét riêng cho mỗi thể loại.

Trong đời sống văn hóa tinh thần của người Việt, cưới xin là việc hết sức thiêng liêng và hệ trọng trong cuộc đời mỗi con người. Bên cạnh những lễ tục truyền thống thì ẩm thực cũng là một phần phản ánh văn hóa. Việc tiếp thu và học hỏi những cái mới, tiến bộ là điều cần thiết để hội nhập, tuy nhiên nếu học hỏi theo kiểu “nửa vơi” không có sự chọn lọc kỹ càng sẽ dẫn đến những hệ lụy khó lường. Bài về dưới đây châm biếm việc học đòi tổ chức lễ cưới theo phong cách Tây:

“...Đi tiền năm chục

Chủ nhà lục đục

Cũng đãi kiểu này

Ăn rồi kiểu thầy

Đi về một nước

Xe hơi đậu trước

Nhà làng An Sơn
Chết máy trời tron
Đói thôi thấy mẹ!"

(Về đám cưới ăn đồ Tây)

Trong tổng số 60 bài về dân gian lưu truyền tại Bình Dương qua 3 công trình [8], [11], [12] có 08 bài sử dụng ngôn ngữ thô tục, chiếm 13,3%.

Bảng 2. Thống kê số bài có sử dụng ngôn ngữ tục

STT	Tên bài	Trích dẫn
1	Về chợ Thủ ngày xưa	Ở trần để vú
2	Về chợ “năng”	Ngủ quên đi đái
3	Về đám cưới ăn đồ Tây	Đói thôi thấy mẹ!
4	Về chữ “Ăn”	Ăn (vô) lỗ miệng , (liền) tháo lỗ tròn
		Bóp vú con tôi, đồng tình ba bộ
5	Về chữ “Cà”	Chết đít còn cay, là con cà cuống
6	Về mười vợ	Con thứ mười ị giấc trên giường.
7	Về lối xóm	Hay phành lỗ đít là anh Năm Dòm
8	Về lỗ cốt	Ăn trên lỗ dưới.

Qua khảo sát chúng tôi nhận thấy về Bình Dương vận dụng khá nhiều thành ngữ, tục ngữ, ca dao quen thuộc trong đời sống ngày. Hàng loạt những thành ngữ, tục ngữ được liệt kê trong bài về dưới đây: “**(Biết) ăn theo thuở, (biết) ở theo thời**”; “**Ăn xôi ở thì, cả đời lúu rú**”; “**Ăn (phải) coi nôi, ngồi (thời) coi hướng**”; “**Cái bọ vong ân, ăn cháo đá bát**”; “**Là trai thời đại, ăn vóc học hay**”; “**Thói thường trâu buộc, hay ghét trâu ăn**”; “**Hễ ăn cây nào, thì rào cây nấy**” (Về chữ “**Ăn**”)

Trường hợp khác mượn ý từ ca dao, chẳng hạn bài ca dao:

“Đầu gành có con ba ba
Kẻ kêu con trạnh, người la con rùa”;
“...Ba ba hay trạnh,
cũng một loài rùa”
(Về chữ “**Ba**”)

Hay: “...Bóp vú con tôi, đồng tình ba bộ”, mượn ý từ bài ca dao:

“Bộ binh, bộ hộ, bộ hình
Ba bộ đồng tình bóp vú con tôi”

Như vậy, việc vận dụng chất liệu ngôn ngữ từ các thể loại văn học khác vào trong về Bình Dương cho thấy sự sáng tạo độc đáo góp phần làm cho về trở nên gần gũi, hấp dẫn hơn.

Một đặc điểm khác đáng chú ý nữa trong ngôn ngữ về Bình Dương là việc sử dụng hệ từ vay mượn từ tiếng nước ngoài, chiếm 15% (09/60 bài). Dưới chiêu bài “khai hóa” chính sách văn hóa của thực dân Pháp đã thâm nhập vào đời sống tác động không nhỏ đến xã hội Việt Nam, du nhập từ tên gọi như *Lang-sa*, *Phăng-xe*, *Ăng-lê*, *Mi-sơ-lanh*...đến phương tiện như *cam-nhông*, *ves-pa*, *mô-tô*, *radio*, *súp-lê*, *măng-sông*...cùng văn hóa hiện đại như *rumba*, *cha cha cha*, *ba xô đốp*...và cả ẩm thực phương Tây như *ragu*, *bít tết*, *sâm banh*, *la-ve*... Những bài **Về khai thị Gò Công, Về văn minh, Về mộ phu vào Sài Gòn, Về đám cưới ăn đồ Tây**...đã phần nào phản ánh sự tác động của văn hóa phương Tây len lỏi vào trong đời sống thị dân:

“...Khi nào khiêu vũ, nhớ điệu **săm ba**
Lúc nhảy **rumba**, đừng nên bộp chộp

Dứt **ba xô đốp**, đến **cha cha cha...**

(Về chữ “Ba”)

“Đồ Tây là tiếng
Dùng thử cho oai
Thịt bò bầy nhầy
Gói vào lá lốt
Cũng có đồ sốt
Cũng có **ragu**
Món gì lu bù
Mỡ bò nấu đậu
Vừa ăn vừa nhậu
Còn uống **xi rô**
Quý thầy quý cô
Hãy dùng **la sét**
Bánh chi men mét
Ngậm vô tiêu liền
Nói ra chủ phiên
Ăn như nói láo.”

(Về đám cưới ăn đồ Tây)

Về Bình Dương đã thể hiện được những nét văn hóa độc đáo thông qua ngôn ngữ giàu tính địa phương, hệ từ gần gũi, mộc mạc. Phương ngữ Nam Bộ cũng được sử dụng phổ biến với nhiều từ ngữ quen thuộc trong giao tiếp phối hợp cùng hệ thống từ vay mượn tiếng nước ngoài và chất liệu dân gian như ca dao, tục ngữ...đã tạo nên sắc thái chân thật, tự nhiên qua từng tác phẩm.

4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu VHĐG từng miền, từng khu vực là một việc làm cần thiết, góp phần khẳng định một hướng nghiên cứu triển vọng trong mối quan hệ tương quan so sánh giữa các vùng miền từ nhiều góc độ lịch sử, văn hóa, xã hội, góp phần mở rộng phạm vi nghiên cứu. Ấn tượng sâu đậm nhất trong lòng người đọc khi tìm đến về Bình Dương đó chính là những nét riêng độc đáo về nội dung thể hiện qua nhóm

bài về phản ánh đời sống lao động – sản xuất về những ngành nghề truyền thống của địa phương. Nét riêng ấy còn nằm trong hình thức thể hiện của các thể thơ, ngôn ngữ góp phần khắc họa nội dung một cách sâu sắc và đa dạng hơn. Ngôn ngữ về Bình Dương là ngôn ngữ kể chuyện kết hợp cùng hệ từ mộc mạc trong lời ăn tiếng nói hằng ngày như phương ngữ, khẩu ngữ thậm chí ngôn ngữ tục góp phần làm tăng hiệu quả diễn đạt cho tác phẩm dân gian.

“Khám phá nét riêng mang đậm dấu ấn địa phương của về Bình Dương” giúp chúng ta hiểu thêm về những giá trị văn hóa lâu đời của dân tộc chứa trong từng bài về. Đồng thời, từ những tri thức về về Bình Dương sẽ bồi đắp thêm tình yêu quê hương, thêm cảm phục tài năng và sự sáng tạo của nhân dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Thị Kim Ánh (2005), *Lịch sử - văn hóa vùng đất Bình Dương từ đầu thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh.
- [2] Hoàng Thị Châu (2009), *Phương ngữ tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [3] Ninh Viết Giao (1974), *Tiếng nói đấu tranh giai cấp trong “về hào họ” ở Nghệ An*, Tạp chí văn học số 1, tr.70-78.
- [4] Vũ Thị Hào (1995), *Thi pháp thể loại về*, Luận văn Tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.
- [5] Bùi Hải Phong (2012), *Bước đầu khảo sát lễ hội Bình Dương*, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
- [6] Sở Văn hóa Thông tin Bình Dương (1998), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Thủ Dầu Một – Bình Dương 300 năm”*, in tại Xí nghiệp in Bình Dương.
- [7] Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam (2011), *Lịch sử phong trào công nhân cao su Dầu Tiếng (1917-2010)*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.

- [8] Huỳnh Ngọc Trảng (1988), *Về Nam Bộ*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh.
- [9] Hoàng Tiến Tựu (1998), *Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
- [10] Lư Nhất Vũ, Nguyễn Văn Hoa, Lê Giang, Từ Nguyên Thạch (1991), *Dân ca Sông Bé*, Nxb Tổng hợp Sông Bé.
- [11] Lư Nhất Vũ, Lê Giang (chủ biên) (2002), *Dân ca và thơ ca dân gian Bình Dương*, Hội văn học nghệ thuật Bình Dương.
- [12] Lư Nhất Vũ, Lê Giang, Lê Anh Trung (2010), *Nói thơ, nói về, thơ rơi Nam Bộ*, Nxb Văn hóa dân tộc.
- [13] Nguyễn Hiếu Học, Dương Hoàng Anh (2012). *Dấu xưa xe ngựa... đất Thủ - Bình Dương*, <http://www.sugia.vn/portfolio/detail/633/dau-xua-xe-ngua-dat-thu-binh-duong.html> – truy cập ngày 03/02/2019
- [14] Nguyễn Hiếu Học (2016). *Một số địa danh dân gian nổi tiếng của Thủ Dầu Một* – Tham khảo ở: <http://www.vannghetbinhduong.org.vn/tap-chi-van-nghe-binh-duong-2016/tap-chi-van-nghe-binh-duong-thang-9-2016.html> – truy cập ngày 26/01/2019

DISCOVERING THE DISTINCTIVE FEATURES OF BINH DUONG'S FOLK POEMS

Nguyen Xuan Ly

ABSTRACT

By carrying out the research into Binh Duong's folk poems, the article introduces briefly the concept of outstanding features such as the content and the art of Binh Duong's folk poem collections. The article also shows the general unity and the distinctive features of folk poems in Binh Duong compared to other regions. The particular features of Binh Duong's folk poems are expressed through vivid portraits of working life, spiritual culture and language bearing local imprints. Additionally, the study of folklore literature in each region is one of the potential research directions that need to be focused in the curriculum with the aim of teaching students to perceive the knowledge in the folklore literature.

Keywords: *Binh Duong's folk-poem, distinctiveness, local folklore.*

Email: lynx@hiu.vn

Ngày nhận bài: 05/06/2019

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 05/09/2019

Ngày chấp nhận đăng: 16/09/2019